

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2022

*“V/v tranh chấp về hôn nhân gia  
đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài  
sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thi**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Lê Văn Vững**

2. Ông **Đào Văn Hiến**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Võ Thị Búp** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, về việc *“Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 534/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: **Hồ Thị M**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp MT A, xã MA, huyện X, Đồng Tháp.

Bị đơn: **Lại Văn C**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp MT A, xã MA, huyện X, Đồng Tháp.

*(Chị M, anh C có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại tờ tự khai, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Hồ Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C do quen biết nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, anh C không quan tâm gia đình và có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác bên ngoài. Từ đó vợ

chồng thường hay có lời qua tiếng lại, làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về quan hệ nuôi con: Có 02 con chung tên Lại Chí A, sinh năm 1998 và Lại Thị Cẩm L, sinh ngày 19/02/2004. Hiện 02 con chung đang sống với vợ chồng chị. Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2022, khi ly hôn, chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện là về con chung Chí A và Cẩm L đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Theo đơn khởi kiện thì chị trình bày về tài sản chung không có. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị thay đổi trình bày là về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có. Chị cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ chị và anh C thì chị xin chịu trách nhiệm cùng với anh C. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

*\* Theo ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Lại Văn C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự nguyện yêu thương nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới và sống chung năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn với nhau, nhưng nay vợ anh muốn ly hôn với anh, anh đồng ý.

- Về quan hệ nuôi con: Có 02 con chung tên Lại Chí A, sinh năm 1998 và Lại Thị Cẩm L, sinh ngày 19/02/2004. Hiện 02 con chung đang sống chung với vợ chồng anh. Hiện 02 con chung đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có. Anh cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ anh và chị M thì anh xin chịu trách nhiệm cùng với chị M. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

*\* Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy khai sinh hai con chung (bản sao, bản photo).

+ Tờ tự khai (bản chính).

+ Căn cước công dân và sổ hộ khẩu (bản photo).

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22 tháng 7 năm 2022.

\* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Tài liệu, chứng cứ; về quan hệ nuôi con; về quan hệ tài sản; về quan hệ nợ.

\* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Về quan hệ hôn nhân.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị M về việc yêu cầu được ly hôn với anh C. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *“Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp MT A, xã MA, huyện X, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2022, về con chung khi ly hôn chị M yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M thay đổi yêu cầu khởi kiện là về con chung Chí A và Cẩm L đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị M về con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh C tự nguyện quen biết nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và về sống chung năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng mặc dù cả hai đủ điều kiện kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Việc chung sống giữa chị M và anh C không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, vì đây là hôn nhân không hợp pháp và không có giá trị pháp lý. Tại phiên tòa hôm nay, chị M yêu cầu được ly hôn với anh C, Hội đồng xét xử xét thấy do hôn nhân giữa chị M và anh C không hợp pháp nên yêu cầu xin ly hôn của chị M không được chấp nhận. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”* và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và*

*tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....”.*

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không công nhận chị M và anh C là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

- Về quan hệ nuôi con: Chị M và anh C thống nhất có 02 con chung tên Lại Chí A, sinh năm 1998 và Lại Thị Cẩm L, sinh ngày 19/02/2004. Hiện 02 con chung đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Chị M và anh C thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Chị M và anh C thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị M phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Thị M và anh Lại Văn C là vợ chồng.

2. Về quan hệ nuôi con: Có 02 con chung tên Lại Chí A, sinh năm 1998 và Lại Thị Cẩm L, sinh ngày 19/02/2004. Hiện 02 con chung đã trưởng thành về thể

chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Hồ Thị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai số 0007882, ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Búp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thị Thi**